| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẮC GIANG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 7 - 2017
V/v ly hôn giữa chị NA và anh NH

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đinh Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Ngọc Hân

2. Bà Nguyễn Thị Lan

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Tống Lan Hương – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B, tỉnh B

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên

Trong ngày 21/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2017/TLST – HNGĐ ngày 22/3/2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị NA, sinh ngày 07/9/199X (Có mặt)

HKTT: xóm X, đội Y, xã XT, huyện XT, tỉnh Đ

Chỗ ở hiện nay: số 90, đường NTL, phường Q, thành phố B, tỉnh B

*2. Bị đơn:* Anh Vũ Minh NH, sinh năm 199X

HKTT: xóm X, đội Y, xã XT, huyện XT, tỉnh Đ

Chỗ ở hiện nay: số 90, đường NTL, phường Q, thành phố B, tỉnh B

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số X, Trại giam H – Tổng cục VIII, Bộ công an (Vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Vũ Thị NA trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/10/2010, chị kết hôn với anh Vũ Minh NH, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, huyện XT, tỉnh Đ và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, chị và anh NH có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau ngay tại địa chỉ xóm X, đội Y, xã XT, huyện XT, tỉnh Đ. Một thời gian sau hai vợ chồng chuyển lên sinh sống và làm ăn tại địa chỉ số 90, đường NTL, phường Q, thành phố B, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh NH sử dụng ma tuý, không tu chí làm ăn. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên ngăn nhiều lần, bản thân anh NH đã đi cai nghiện được khoảng 01 tháng nhưng sau đó anh NH lại tái nghiện. Do nghiện ma tuý nên anh NH không kiểm soát được hành vi của mình và đã nhiều lần đánh chị. Tháng 8 năm 2016 anh NH tiếp tục sử dụng ma tuý đá dẫn đến vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Hiện nay anh NH đang phải chấp hành án tại Trại giam H – Tổng cục VIII, Bộ công an. Chị và anh NH đã ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh NH không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh NH.

- Về con chung: Chị và anh NH có 01 con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 09/10/201X. Hiện nay cháu L đang ở cùng với chị. Do cháu L còn nhỏ, lại là con gái, anh NH đang phải chấp hành án nên khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh NH phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2017 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Vũ Minh NH trình bày:*

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án nhân dân thành phố B do cán bộ Phân trại số X, Trại giam H bàn giao. Do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên anh đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn như chị NA trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại địa chỉ xóm X, đội Y, xã XT, huyện XT, tỉnh Đ. Khoảng 02 tháng sau, vợ chồng anh chuyển lên thành phố B làm ăn, sinh sống tại địa chỉ số 90, đường NTL, phường Q, thành phố B, tỉnh B. Anh xác nhận vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do anh chơi bời và do sự lôi kéo của bạn bè nên anh đã sử dụng ma tuý tổng hợp. Chị NA và gia đình đã nhiều lần can ngăn, bản thân anh đã có thời gian đi cai nghiện tự nguyện khoảng 01 tháng nhưng không có kết quả. Trong khoảng thời gian anh sử dụng ma tuý đã vài lần anh đánh chị NA. Tháng 8 năm 2016 anh bị bắt tạm giam và bị Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Anh và chị NA đã ly thân từ khi anh bị bắt tháng 08 năm 2016 đến nay. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị NA vẫn còn, anh mong muốn sau khi anh chấp hành án xong vợ chồng sẽ về đoàn tụ nên việc chị NA xin ly hôn anh không đồng ý. Trường hợp chị NA vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung và họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung như chị NA trình bày là đúng. Do hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam H, anh đồng ý để chị NA nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn là anh Vũ Minh NH vắng mặt nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng

dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị NA, xử: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị NA và anh Vũ Minh NH; Giao con chung là cháu Vũ Ngọc L cho chị NA nuôi dưỡng; Chị NA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Anh Vũ Minh NH đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và anh NH đã có đề nghị giải quyết vắng mặt do anh đang phải chấp hành án tại Trại giam H. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh NH là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Quan hệ tranh chấp giữa chị Vũ Thị NA và anh Vũ Minh NH là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh Vũ Minh NH có địa chỉ đăng ký tạm trú tại số 90, đường NTL, phường Q, thành phố B, tỉnh B. Chị NA và anh NH không tự thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp, chị NA khởi kiện ra Toà án. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị NA:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị NA kết hôn ngày 06/10/2010 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND xã XT, huyện XT, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Việc kết hôn của chị NA và anh NH là phù hợp với quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng: Chị NA và anh NH sau khi kết hôn về chung sống với nhau ngay tại địa chỉ xóm X, đội Y, xã XT, huyện XT, tỉnh Đ. Khoảng 02 tháng sau, vợ chồng chuyển lên thành phố B làm ăn, sinh sống tại địa chỉ số 90, đường NTL, phường Q, thành phố B, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh NH không tu chí làm ăn, nghe theo bạn bè sử dụng ma tuý tổng hợp. Chị NA và gia đình hai bên đã khuyên ngăn nhưng anh NH vẫn tiếp tục sử dụng ma tuý. Trong khoảng thời gian sử dụng ma tuý tổng hợp,

anh NH đã nhiều lần đánh chị NA. Tháng 08 năm 2016, anh bị bắt và bị Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Chị NA và anh NH đều xác nhận vợ chồng đã ly thân từ thời điểm anh NH bị bắt tháng 08 năm 2016 đến nay. Chị NA xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết ly hôn còn anh NH không đồng ý ly hôn với chị NA vì lý do anh mong muốn sau khi chấp hành án xong vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị NA và anh NH đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc anh NH không đồng ý ly hôn không có căn cứ để chấp nhận. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NA là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Chị Vũ Thị NA và anh Vũ Minh NH có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc L, sinh ngày 09/10/2011. Hiện nay cháu L đang sống cùng chị NA. Cháu L còn nhỏ, bản thân anh NH đang phải chấp hành án tại Trại giam H không có điều kiện chăm sóc con, anh NH đồng ý để chị NA nuôi dưỡng con chung trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu L, cần chấp nhận yêu cầu của chị NA là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

**[4] Về án phí:** Chị Vũ Thị NA là nguyên đơn nên chị NA phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị NA và anh Vũ Minh NH.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 09/10/2011 cho chị Vũ Thị NA trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị NA phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị NA đã nộp theo biên lai số AA/2012/06138 ngày 22/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị NA đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND T. B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đinh Thị Vân Anh**